

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 02 - 2022

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Liên và bà Nguyễn Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Phan Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 109/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn 4, xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Bị đơn: chị Võ Thùy L, sinh năm 2000. Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Võ Thùy L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 16/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột, từ đó vợ chồng không còn sự tôn trọng dành cho nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng, trong lúc đang mang thai con đầu lòng, chị L đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã H, huyện H để sinh sống kể từ tháng 5/2020, anh và chị L đã sống ly thân kể từ tháng 5/2020 đến nay và không còn

quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: anh và chị Võ Thùy L có một con chung, cháu tên là Nguyễn Võ Nhật A, sinh ngày 08/10/2020, hiện đang ở với chị L. Ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Nhật A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nhật A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập chị Võ Thùy L đến Toà án để viết bản khai nhưng chị L đã không có mặt mà không có lý do, nên không có bản khai của chị L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của anh T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn chị L và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T và giao cháu Nhật A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Nhật A đủ 18 tuổi là phù hợp với các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh Nguyễn Văn T đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Chị Võ Thùy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T và chị L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn T khai, anh và chị Võ Thùy L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Anh T cũng xuất trình cho Tòa án một Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa cấp đề ngày 16/10/2019, trong đó xác định chị Võ Thùy L là vợ anh Nguyễn Văn T. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp.

Cũng theo anh T khai, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột, từ đó vợ chồng không còn sự tôn trọng dành cho nhau, trong lúc đang mang thai con đầu lòng, chị L đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống kể từ tháng 5/2020, anh và chị L đã sống ly thân kể từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Theo kết quả

xác minh ngày 15/10/2021, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, bà Nguyễn Thị Hương là mẹ đẻ của chị L trình bày, sau khi kết hôn và chung sống với nhau được 05 tháng, anh T không quan tâm mà còn nhiều lần đánh đập chị L nên chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống trong khi đang mang thai tháng thứ 2, mặc dù gia đình bà đã khuyên bảo, hòa giải cho hai vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Như vậy, một thời gian dài, anh T và chị L không sống chung và không còn quan tâm đến nhau đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh T được ly hôn chị L là phù hợp.

[3]. Về con chung: anh T khai, anh và chị Võ Thùy L có một con chung, cháu tên là Nguyễn Võ Nhật A, sinh ngày 08/10/2020, hiện đang ở với chị L. Anh T cũng xuất trình cho Tòa án bản sao Giấy khai sinh, trong đó xác định cháu Nguyễn Võ Nhật A là con chung của anh T và chị L. Mặt khác, cháu Nhật A được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu Nhật A là con chung của anh T và chị L. Anh T yêu cầu Tòa án giao cháu Nhật A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, hiện nay cháu Nhật A đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, đang ở với chị L. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của anh T về việc giao cháu Nhật A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị L không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn, nhưng anh T nhận trách nhiệm có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Nhật A đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác chị L cũng không có ý kiến gì nên miễn xét.

[5]. Về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6 và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thùy L.

2. Về con chung: công nhận cháu Nguyễn Võ Nhật A, sinh ngày 08/10/2020 là con chung của anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thùy L. Giao cháu Nhật A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 02/2022 cho đến khi cháu Nhật A đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L.

3. Về án phí: anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004208 ngày 11/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thùy L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Văn Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên Nguyễn Thị Chung

Đào Văn Nam

